

Bản án số: 477/2025/HS-PT

Ngày: 04-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán:

- Bà Nguyễn Thị Hà
- Bà Phạm Uyên Thy

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Đăng Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 385/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Trương Hữu N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 76/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 1 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trương Hữu N, sinh ngày 16/8/1986 tại Kiên Giang; Thường trú: Ấp C, xã V, huyện G, tỉnh K (nay thuộc xã V, tỉnh An Giang); Nơi ở hiện tại: Số A, đường Đ, ấp 4, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc Xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Văn R và Lê Thị N1; Bị cáo có vợ tên Lê Thị T, có 02 (hai) con chung, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

- Người bào chữa: Ông Lê Nguyễn Thế T1 là luật sư của Công ty Luật TNHH Nguyễn Lê thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trương Hữu N.

(Trong vụ án còn có bị hại ông Trần Vĩnh H nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 33 phút ngày 26/12/2024, Trương Hữu N là tài xế lái xe của ông Trần Vĩnh H, điều khiển xe ô tô biển số 51L-386.27 chở ông H đến đường Đề Thám để đi ăn. Khi đến nơi, N đậu xe ô tô tại trước số 234-236 Đề Thám, phường P, Quận 1 để ông H vào trong quán ăn. Khi đang ngồi chờ ông H ở ghế tài xế, N quay lại hàng ghế sau thì phát hiện có hai túi xách màu đen của ông H đang để ở hàng ghế sau nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N dùng hai tay mở túi xách nhỏ màu đen ra và lén lút lấy 500.000 đồng (gồm 05 tờ tiền loại mệnh giá 100.000 đồng) cất vào trong túi áo bên ngực trái và lấy 1.000 Đô la Singapore (gồm 10 tờ tiền loại mệnh giá 100 Đô la Singapore) trong túi xách lớn màu đen rồi cất giấu dưới thảm lót sàn xe dưới chân chỗ N ngồi. Lúc này, ông H đang ngồi trong quán ăn kiểm tra camera gắn trong xe ô tô thì phát hiện N mở túi lấy tiền nên gọi điện báo Công an phường P tiến hành kiểm tra, đưa N cùng vật chứng về trụ sở để làm việc và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 30/12/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 1, có kết luận giám định tài sản số 211/KL-HĐĐGTS, kết luận: 1.000 Đô la Singapore (SGD), quy đổi ra tiền Việt Nam: $1 \text{ Đô la Singapore} / \text{SGD} = 19.067 \text{ đồng/VND/Việt Nam} \times 1.000 \text{ Đô la Singapore (SGD)} = 19.067.000 \text{ đồng}$.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Hữu N khai nhận hành vi trộm cắp như trên, lời khai của N là phù hợp với hình ảnh camera thu giữ trên xe ô tô biển số 51L-386.27, biên bản nhận dạng, biên bản đối chất và các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2025/HS-ST ngày 15-5-2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Hữu N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 và ngày 23/05/2025, bị cáo Trương Hữu N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Hữu N giữ nguyên yêu cầu kháng

cáo như đã nêu trên. Đồng thời, khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi chiếm đoạt 500.000 đồng và 1.000 Đôla Singapore của bị hại Trần Vĩnh H như nội dung bản án sơ thẩm, chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, có 02 con nhỏ đang độ tuổi đi học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, nhận thấy mức hình phạt của cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày là lao động chính và gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Nguyễn Thế T1 bào chữa cho bị cáo Trương Hữu N trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng mà cấp sơ thẩm đã xem xét thì tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại nên hậu quả của vụ án đã được khắc phục toàn bộ, đây là tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định có khả năng tự cải tạo và bị cáo có đầy đủ các điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NĐ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 3, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết 02/2018/NĐ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và không tham gia tranh luận.

Viện kiểm sát tranh luận: Tài sản bị cáo chiếm đoạt được Cơ quan Công an thu hồi khi bắt giữ bị cáo và trả cho bị hại chứ không phải bị cáo tự nguyện giao nộp, đồng thời các tình tiết về nhân thân như bị cáo là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhưng luật sư và bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ nên không có cơ sở áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo. Xét, mức hình phạt 01 năm tù mà cấp sơ thẩm tuyên phạt là phù hợp với trị giá tài sản chiếm đoạt 19.567.000 đồng, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Các bên còn đưa ra một số quan điểm đối đáp, tranh tụng nhưng kết thúc phần tranh luận đều bảo lưu quan điểm như đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Hữu N về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 1, Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của bị cáo Trương Hữu N tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Bị cáo Trương Hữu N là tài xế lái xe của ông Trần Vĩnh H. Khoảng 16 giờ 33 phút, ngày 26/12/2024, sau khi điều khiển xe ô tô biển số 51L-386.27 chở ông H đến trước nhà số 234-236 Đề Thám, Phường P, Quận 1 (nay là Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), N đã lợi dụng việc ông H xuống xe nhưng để lại hai túi xách màu đen ở hàng ghế sau, để tiếp cận, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng và 1.000 Đô la Singapore rồi cất giấu, thì bị ông H phát hiện thông qua hệ thống camera giám sát gắn trên xe. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 19.567.000 đồng.

[3.2] Với diễn biến của hành vi khách quan và hậu quả tội phạm nêu trên thì Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2025/HS-ST ngày 15-5-2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Trương Hữu N về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trương Hữu N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa và bị cáo trình bày hiện là

lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại nên thiệt hại đã được khắc phục. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét chấp nhận một phần quan điểm trình bày của bị cáo, bào chữa của luật sư để cân nhắc việc tài sản chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại ngay cho bị hại nên hậu quả vụ án đã được khắc phục, để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với tình tiết bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn do bị cáo, luật sư không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở áp dụng.

[4.3] Do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ giảm nhẹ hơn nữa một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Đối với nội dung kháng cáo xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét, bản thân bị cáo là người lao động làm nghề tài xế lái xe cho ông H, nhưng lại lợi dụng chính vị trí công việc của mình để tiếp cận, chiếm đoạt tài sản người sử dụng lao động, ngay trên xe ô tô của bị hại có camera giám sát là thể hiện sự manh động, ý thức coi thường pháp luật nên việc cho bị cáo hưởng án treo không đảm bảo yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm, cũng như điều kiện cho hưởng án treo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4.3] Từ những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Hữu N, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Hữu N và sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Hữu N 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2

Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - VKSND KV1; | (2) |
| - P.V06 - CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - THADS KV1; | (1) |
| - TAND KV1; | (2) |
| - Công an TP.HCM; | (1) |
| - Sở Tư pháp; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) | (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang

